

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HSST.

Ngày: 23 – 3 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX, ngày 24/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-HPT, ngày 10/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20/4/1985 tại tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn 1B, xã H, huyện P, tỉnh Đ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: Nguyễn Xuân T (đã chết); Con bà: Hồ Thị L, sinh năm: 1955;

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 390/2017/HSPT ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 18/01/2020; Tiền sự: Không;

Nhân thân: năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 03 năm tù về tội *Cướp giật tài sản*, ngày 01/9/2009 được đặc xá.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện K (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

2. Y Đa W Byă; (tên gọi khác: Y W Byă); Sinh năm 1986 tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Buôn Y B, xã Y, huyện P, tỉnh Đ; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Y N Niê (đã chết); Con bà: H'K Byă, sinh năm: 1948.

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 133/2016/HSPT ngày 06/4/2016 của TAND tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 04/5/2018; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2008; Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 09/9/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện K (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

1. bà Phan Thị T, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Đ.

2. bà Phan Thị X, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 9, xã B, huyện P, tỉnh Đ.

3. bà Chu Thị L, sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 43, tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đ.

4. bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 1A H, xã H, thị xã BH, tỉnh Đ.

5. ông Đỗ Viết D, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 7a, xã Ô, huyện K, tỉnh Đ.

6. ông Nông Hoàng M, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn TB, xã E K, huyện P, tỉnh Đ.

7. bà Hà Thị Đ1 (tên gọi khác: Th), sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ Đ, xã B, huyện P, tỉnh Đ.

8. bà Trần Thị Th1, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn 4, xã E Đ, huyện K, tỉnh Đ.

9. bà Phạm Thị Hà Kh, sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: buôn M, xã C N, huyện B, tỉnh Đ.

10. ông Lê V, sinh năm: 1953 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: buôn T R, xã E H, huyện P, tỉnh Đ.

11. ông Nguyễn Kh1, sinh năm: 1954 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Tr 2, xã E Ph, huyện P, tỉnh Đ.

12. bà Hồ Thị H, sinh năm: 1956 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L 1, xã Ea K, huyện P, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm: 1993 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn 1B, xã T, huyện P, tỉnh Đ.

2. ông Hoàng Duy L, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 3, xã Th, thị xã BH, tỉnh Đ.

1. Ông Vương Văn H2, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 7, xã Th, thị xã BH, tỉnh Đ.

2. Ông Y Photr R, sinh năm: 1948 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: buôn W, xã K, huyện M, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 17/5/2021, Y Đa W Byă gọi điện thoại hỏi Nguyễn Xuân L đang ở đâu, L trả lời “đang ở nhà” thì Y Đa W đi đến nhà L mục đích rủ nhau đi trộm cắp tài sản nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, L mang theo 01 Tuốc nơ vít và 01 Mỏ lết đã chuẩn bị từ trước, điều khiển xe mô tô biển số 47H1-239.40 chở Y Đa W đi dọc Quốc lộ 26 tìm nhà dân sở hữ để đột nhập trộm cắp tài sản. Đến khoảng 10h00 cùng ngày, khi đi đến thôn 4, xã E Đ, huyện K, L và Y Đa W phát hiện nhà bà Trần Thị Th1 khóa cửa, không có người trông coi nên L và Y Đa W đi ra phía sau nhà dùng Tuốc nơ vít cạy phá cửa sổ phòng ngủ, đột nhập vào trong nhà và phát hiện tại phòng ngủ có để một chiếc két sắt nên L và Y Đa W sử dụng Mỏ lết, Tuốc nơ vít mang theo cùng dao, rựa và búa có sẵn tại nhà bà Th1 để cạy phá chiếc két sắt. Sau khi mở được chiếc két sắt thì phát hiện bên trong có số tiền 104.900.000đ (một trăm lẻ bốn triệu chín trăm ngàn đồng) và một sổ giấy tờ khác. L và Y Đa W lấy hết số tiền trên rồi cả hai điều khiển xe mô tô tẩu thoát theo đường Quốc lộ 29 đến tỉnh Phú Yên. Tại đây, L vào Ngân hàng (không nhớ rõ tên Ngân hàng và địa chỉ) nộp số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vào tài khoản số: 0111375266 mở tại ngân hàng Đông Á của vợ L tên là Nguyễn Thị Thu H1, còn số tiền 4.900.000đ L chia cho Y Đa W 2.500.000đ, L giữ lại 2.400.000đ. Ngày 18/5/2021, L và Y Đa W quay trở về huyện P, tỉnh Đ, L nói H1 ra Ngân hàng rút số tiền 50.000.000đ đưa cho L, sau đó L đưa lại cho Y Đa W.

Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân L và Y Đa W còn khai nhận đã liên lạc với nhau để rủ nhau đi trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện K, P, B, thị xã BH, tỉnh Đ nhằm mục đích kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 11/5/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7 – 9978 chở Y Đa W đến thị trấn N, K. Khi phát hiện nhà bà Chu Thị L (Sinh năm 1964, trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn N, K) không có người ở nhà, cả hai dùng Tuốc nơ vít phá khóa cổng và khóa cửa sau nhà đột nhập vào nhà trộm cắp được 02 bao hạt hồ tiêu khô, trọng lượng khoảng 140kg, sau đó chở đến bán cho đại lý thu mua nông sản (không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) tại xã X, huyện K thu được số tiền 8.600.000đ. L lấy 4.400.000đ và chia cho Y Đa W 4.200.000đ.

Vụ thứ hai: Vào sáng ngày 21/3/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7 – 9978 chở Y Đa W đến thôn 7, xã Ô, K thì phát hiện nhà ông Đỗ Viết D (Sinh năm 1983) không có người ở nhà nên L nói Y Đa W đứng bên ngoài canh giới còn L đi vào phía sau nhà dùng Tuốc nơ vít cạy phá cửa đột nhập vào bên trong để tìm kiếm tài sản. L phát hiện một chiếc két sắt và do một mình không cạy phá chiếc két sắt được nên L gọi điện thoại cho Y Đa W vào cùng L khiêng chiếc két sắt ra xe mô tô chở vào một lô cà phê cách nhà ông D khoảng 1km. Tại đây, L và Y Đa W sử dụng Tuốc nơ vít, Mỏ lết, dao, xà beng cạy phá két sắt thì lấy được số tiền 400.000đ và một con heo đất. Y Đa W đập con heo đất và lấy được thêm 100.000đ. Tổng số tiền trộm cắp được là 500.000đ, L và Y Đa W Byă dùng để ăn uống và đổ xăng.

Vụ thứ ba: Ngày 06/04/2021, Nguyễn Xuân L điều khiển xe mô tô biển số 47K7-9978 chở Y Đa W Byă đi dọc Quốc lộ 26 thì phát hiện nhà bà Hà Thị Đ1 (sinh năm 1935 ở thôn Đ Đ, xã B, huyện P) không có người ở nhà, L nói Y Đa W đứng ngoài cảnh giới, còn L cạy cửa sổ đột nhập vào nhà lấy trộm số tiền 19.000.000 (mười chín triệu đồng). Số tiền này L chia cho Y Đa W Byă 8.000.000đ, L giữ lại 11.000.000đ.

Vụ thứ tư: Vào ngày 14/4/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7 – 9978, còn Y Đa W điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus (không nhớ biển số) đi dọc Quốc lộ 26 thì phát hiện nhà bà Phan Thị X (Sinh năm 1974, trú tại: Thôn 9, xã B, P) không có người ở nhà nên đã dùng Tước nơ vít và Mỏ lết cạy cửa đột nhập vào bên trong nhà trộm cắp được 04 bao hạt hồ tiêu khô, trọng lượng khoảng 200kg. Sau đó, L và Y Đa W mỗi người chở 02 bao đến một đại lý thu mua nông sản (không nhớ tên, địa chỉ) tại xã X, huyện K được số tiền 12.000.000đ. L lấy 6.000.000đ và chia cho Y Đa W 6.000.000đ. Tài sản thiệt hại qua định giá là 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vụ thứ năm: Sáng ngày 24/4/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7 – 9978 chở Y Đa W đến địa phận thôn 1, xã Ea Kly, huyện P thì phát hiện nhà bà Phan Thị T (Sinh năm 1976) không có người trông coi. L nói Y Đa W đứng ngoài cảnh giới còn L dùng Tước nơ vít và Mỏ lết cạy phá cửa chính đột nhập vào nhà để tìm kiếm tài sản và phát hiện một chiếc két sắt để trong phòng ngủ. L sử dụng dao chặt củi của nhà bà T để cạy phá két sắt nhưng bên trong không có tài sản gì, L tiếp tục tìm kiếm tài sản khác trong nhà thì phát hiện có khoảng 04 bao hồ tiêu khô nên L gọi Y Đa W vào cùng nhau lấy trộm 02 bao. Khi khiêng qua hàng rào bị bể 01 bao nên cả hai chỉ lấy 01 bao, trọng lượng khoảng 70kg rồi chở đến bán cho một đại lý thu mua nông sản thuộc xã E Ph, huyện P được số tiền 4.900.000đ (bốn triệu chín trăm ngàn đồng). L lấy 2.800.000đ và chia cho Y Đa W 2.100.000đ. Tài sản qua định giá là 4.830.000đ (bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Vụ thứ sáu: Ngày 23/4/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7 – 9978 chở Y Đa W đến xã Th, thị xã BH thì phát hiện nhà bà Nguyễn Thị K (Sinh năm 1978, trú tại: Thôn 1A H, xã Th, thị xã BH) không có người ở nhà nên cả hai cạy cửa đột nhập vào nhà lấy trộm được 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng, 01 chiếc vòng đeo cổ bằng vàng. Sau đó cả hai đi đến một tiệm vàng (không nhớ tên và địa chỉ) tại thị trấn Krông K, huyện B, tỉnh Đ bán được số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), cả hai chia đôi số tiền trên mỗi người được 14.000.000đ. Tài sản thiệt hại qua định giá là 63.600.000đ.

Vụ thứ bảy: Khoảng 14 giờ ngày 04/05/2021, Nguyễn Xuân L điều khiển xe mô tô biển số 47K7- 9978, Y Đa W Byă điều khiển xe mô tô biển số 47H1-239.40 đi đến thôn TB, xã E K, P thì phát hiện nhà ông Nông Hoàng M (Sinh năm 1981) không có người ở nhà. L và Y Đa W để xe mô tô cách nhà ông M khoảng 50m rồi đi vào phía sau nhà dùng Tước nơ vít cạy cửa đột nhập vào trong nhà trộm cắp 02 túi hạt tiêu khô, trọng lượng khoảng 40 kg. Sau đó, cả hai mang đến xã Cuôr Đăng, huyện C bán cho một đại lý nông sản (không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) được số tiền 2.400.000đ. Số tiền này chia đôi mỗi người được 1.200.000đ. Tài sản thiệt hại qua định giá là 2.680.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng thiệt hại mà Nguyễn Xuân L và Y Đa W cùng thực hiện là 219.290.000đ (hai trăm mười chín triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Nguyễn Xuân L tự mình thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện P, Đ, gồm:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 5/4/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7 – 9978 đi đến thôn L 1, xã Ea K, huyện P thì phát hiện nhà bà Hồ Thị H (Sinh năm 1956) không có người ở nhà. L cạy phá cửa bên hông nhà đột nhập vào trong lấy trộm được số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Vụ thứ hai: Vào ngày 04/5/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7 – 9978 đi đến thôn Tr 2, xã E Ph, huyện P, cạy phá cửa sổ đột nhập vào nhà ông Nguyễn Kh1 (Sinh năm 1954) trộm cắp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Vụ thứ ba: Vào ngày 14/5/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 47K7–9978 đi đến Buôn T R, xã E H, huyện P, cạy phá cửa đột nhập vào nhà ông Lê V (Sinh năm 1953) lấy trộm được 01 túm tiêu khoảng 40kg nhưng trên đường đi tiêu thụ do bao bị thủng nên rơi vãi mất khoảng 20kg. L chở số hồ tiêu trộm được đến đại lý thu mua nông sản (không nhớ địa chỉ) tại xã E Ph, huyện P bán được số tiền 1.200.000 đ. Tài sản thiệt hại căn cứ lời khai của ông V là 100kg tiêu khô, được định giá là 6.600.000đ.

Tổng thiệt hại do Nguyễn Xuân L thực hiện là 32.640.000đ.

Y Đa W tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, Đ, cụ thể: Rạng sáng ngày 28/5/2021, Y Đa W Byă điều khiển xe mô tô biển số 47H1-239.40, đi đến địa phận buôn M, xã C N, huyện B thì phát hiện bà Phạm Thị Hà Kh (Sinh năm 1957) đang ngủ một mình trong nhà. Y Đa W cạy cửa đột nhập vào trong nhà lấy trộm được: 01 lắc kim loại màu vàng, 01 vòng đeo cổ bằng kim loại màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71 và số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Đến ngày hôm sau, Y Đa W đem số vàng trên đến địa bàn thị trấn K, K để bán nhưng được nhân viên tiệm vàng nói là vàng giả nên Y Đa W đã vứt bỏ cùng chiếc điện thoại di động trên. Thiệt hại tài sản qua định giá là 2.750.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.900.000đ.

Bên cạnh đó, L và Y Đa W khai nhận trong sáng ngày 23/4/2021, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Nguyễn Thị K, trên đường tẩu thoát L và Y Đa W phát hiện nhà ông Hoàng Duy L (Sinh năm 1971, trú tại: Thôn 3 H, xã Th, thị xã BH) không có người ở nhà. L nói Y Đa W đứng bên ngoài canh gác còn L cạy cửa đột nhập vào nhà ông L để trộm cắp tài sản. Trong lúc L đang lục tìm tài sản thì có người nhà về nên cả hai đã bỏ đi và chưa trộm cắp được tài sản gì. Tuy nhiên, ông L cho rằng bị mất 01 đồng hồ nhãn hiệu ANNEKLEIN, 01 lắc tay 02 chỉ vàng sài Gòn 18K nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM loại xe Dream, màu nho, biển số 47K7-9978, số khung: VHMTCR00328047830, số máy: VUMHMCT100-000134; 01 điện thoại OPPO A5 màu đen, số Imei 1: 862208043723432; số Imei 2: 862208043723424; 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 359299/4/641334/5; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vương Văn H2; số 0138245 biển số: 47K7-9978; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 47H1 –239.40, số khung: RLCS5C6JO-EY059021, số máy: 5C6J-058996; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Y Phot R; 01 (một) giấy biên nhận lĩnh tiền đề ngày 18/5/2021 của ngân hàng Đông Á chi nhánh huyện P mang tên Nguyễn Thị Thu H1; 01 kết sắt nhãn hiệu ATUN

KOREAN TECHNOLOGY; 01 két sắt bị thùng, kích thước dài 47cm, rộng 60cm, cao 98cm, nhãn hiệu Spro Safe; 01 dao chặt lưỡi màu trắng, kích thước 30cm x 10cm; 01 dao chặt, kích thước 40cm x 08cm; 01 dao chặt, kích thước 39cm x 07cm; 01 dao phát, kích thước 1m02 x 05cm; 01 kéo, kích thước 23cm x 10cm; 01 kìm cắt, kích thước 18cm x 05cm; 01 dao cán sắt, kích thước 44cm x 05cm; Tiền mặt: Thu giữ của Nguyễn Xuân L 53.000.000đồng và của Y Đa W 12.400.000 đồng.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 2482/KLĐG ngày 18/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Đ kết luận giá trị các tài sản như sau:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu trắng thời điểm định giá 06/4/2021 giá trị 500.000đ;

+ 200kg tiêu khô thời điểm định giá 14/4/2021 giá trị 14.400.000đ.

+ 01 nhẫn vàng 9999 thời điểm định giá 14/4/2021 giá trị 2.600.000đ

+ 01 nhẫn vàng 24k trọng lượng 0,5 chỉ thời điểm định giá 21/3/2021 giá trị 2.550.000đ

+ 01 đôi bông tai vàng 24k trọng lượng 0.5 chỉ thời điểm định giá 21/3/2021 giá trị 2.550.000đ

+ 01 lắc đeo tay vàng 24k trọng lượng 05 chỉ thời điểm định giá 23/4/2021 giá trị 26.500.000đ

+ 01 vòng đeo cổ vàng 24k trọng lượng 07 chỉ thời điểm định giá 23/4/2021 giá trị 37.100.000đ.

+ 01 đồng hồ nhãn hiệu ANNE KLEIN thời điểm định giá 23/4/2021 giá trị 1.200.000đ.

+ 01 lắc đeo tay vàng 10K trọng lượng 02 chỉ thời điểm định giá 23/4/2021 giá trị 4.450.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71 thời điểm định giá 28/5/2021 giá trị 1.100.000đ.

+ 01 dây chuyền có mặt gắn hình bông hoa mai vàng 18k trọng lượng 3,5 chỉ thời điểm 28/5/2021 giá trị 14.070.000đ.

+ 01 nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ thời điểm định giá 28/5/2021 giá trị 8.040.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 thời điểm định giá 26/5/2021 giá trị 600.000đ.

+ 100kg tiêu khô (02 bao) thời điểm định giá 14/5/2021 giá trị 6.600.000đ

+ 01 dây chuyền vàng 24k trọng lượng 07 chỉ thời điểm định giá 5/4/2021 giá trị 35.420.000đ

+ 02 đôi bông tai vàng 24k trọng lượng 01 chỉ thời điểm định giá 5/4/2021 giá trị 5.060.000đ.

+ 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 1,5 chỉ thời điểm định giá 5/4/2021 giá trị 7.650.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 thời điểm định giá 5/4/2021 giá trị 1.200.000đ.

+ 70kg tiêu khô (01 bao) thời điểm định giá 24/4/2021 giá trị 4.830.000đ.

+ 210kg tiêu khô 03 bao thời điểm định giá 11/5/2021 giá trị 14.070.000đ.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐ992 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 kết sắt Epro Safe, nhà sản xuất lắp ráp Duy Phương, kích thước 55cm x 45cm x 95cm có giá trị thiệt hại tại thời điểm ngày 17/5/2021 là 1.470.000đ.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐ992 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 kết sắt nhãn hiệu ATUN KOREAN TECHNOLOGY mua năm 2019 có giá trị thiệt hại tại thời điểm ngày 21/3/2021 là 1.920.000đ.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P số 24/KL-HĐĐG ngày 05/07/2021 kết luận: 01 kết sắt mua năm 2009 do bị đục phá có giá trị 500.000đ (năm trăm ngàn đồng); 02 bản lề cửa gỗ bị hư hỏng do bị cạy phá và 01 phi sắt tròn để móc ổ khóa do bị cạy phá có giá trị 50.000 (năm mươi ngàn đồng).

- Tại bản Kết luận V/v định giá tài sản số 39/KL-HĐĐT ngày 18/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 02 túi tiêu hạt khô có trọng lượng 40kg (không thu giữ được) có giá trị 2.680.000 (hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

- Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B số 01aKL-HĐĐGTS ngày 30/6/2021 kết luận: 01 điện thoại cảm ứng hiệu Oppo F7 Youth, màu đen, màn hình cảm ứng, mua vào năm 2019, có giá là 2.500.000đ; 01 sợi dây chuyền nhỏ bằng kim loại màu vàng mua năm 2018, có giá là 150.000đ; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng mua năm 2018, có giá là 100.000đ. Tổng giá trị tài sản là 2.750.000đ.

Tại bản cáo trạng số 08/KSĐT-HS, ngày 25 tháng 01 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Xuân L, Y Đa W Byă về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo điểm a, Khoản 3, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Qua phân xét xử công khai và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân L, Y Đa W Byă phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo điểm a, Khoản 3, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: điểm a, Khoản 3 Điều 173; điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: điểm a, Khoản 3 Điều 173; điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Y Đa W Byă 09 năm đến 10 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Xuân L đã bồi thường cho bị hại và được các bị hại làm đơn bãi nại.

Buộc bị cáo Y Đa W phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: bà Trần Thị Th1 số tiền 40.835.000đ; bà Chu Thị L 4.690.000đ; ông Đỗ Viết D 1.210.000đ; bà Hà Thị Đ1 9.500.000đ; bà Phan Thị X 7.200.000đ; bà Phan Thị T 2.665.000đ; bà Nguyễn Thị K 31.800.000đ; ông Nông Hoàng M 1.340.000đ; bà Phạm Thị Hà Kh 2.900.00đ, tổng số tiền là 102.140.000đồng.

Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM loại xe Dream, màu nho, biển số 47K7-9978, số khung: VHMTTCR00328047830, số máy: VUMHMCT100-000134; 01 điện thoại OPPO A5 màu đen, số Imei 1: 862208043723432; số Imei 2: 862208043723424; 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 359299/4/641334/5; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vương Văn H2; số 0138245 biển số: 47K7-9978; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 47H1 –239.40, số khung: RLCS5C6JO-EY059021, số máy: 5C6J-058996; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Y Phot R;

Trả lại cho bà Trần Thị Th1 các tài sản sau: 01 dao chặt lưỡi màu trắng, kích thước 30cm x 10cm; 01 dao chặt, kích thước 40cm x 08cm; 01 dao chặt, kích thước 39cm x 07cm; 01 dao phát, kích thước 1m02 x 05cm; 01 kéo, kích thước 23cm x 10cm; 01 kìm cắt, kích thước 18cm x 05cm; 01 dao cán sắt, kích thước 44cm x 05cm.

Trả lại cho bà Trần Thị Th1 số tiền 52.135.000đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân L; số tiền 12.400.000đồng thu giữ của bị cáo Y Đa W Byă. Tiếp tục thu giữ số tiền 865.000đồng của bị cáo Nguyễn Xuân L để bảo đảm công tác thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 két sắt bị thủng, kích thước dài 47cm, rộng 60cm, cao 98cm, nhãn hiệu Spro Safe và 01 két sắt nhãn hiệu ATUN KOREAN TECHNOLOGY.

Đối với hành vi phá hỏng két sắt của các bị cáo qua định giá đều có trị giá dưới 2.000.000đồng nên không có căn cứ để xử lý về hành vi này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà Chu Thị L yêu cầu các bị cáo L và Y Đa W phải bồi thường 03 bao tiêu trị giá 14.070.000đồng; ông Đỗ Viết D yêu cầu bồi thường 6.000.000đồng; 01 nhẫn đeo tay bằng vàng; 01 đôi hoa tai bằng vàng; ông Hoàng Duy L yêu cầu bồi thường 01 đồng hồ đeo tay và 01 nhẫn vàng. Quá trình điều tra không chứng minh được các bị cáo đã trộm cắp các tài sản như bị hại trình bày nên không có căn cứ để buộc các bị cáo phải bồi thường.

Tại phần tranh luận bị cáo Nguyễn Xuân L; bị cáo Y Đa W Byă; bị hại không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều đúng theo quy định của pháp luật

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ pháp lý khẳng định: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2021, Nguyễn Xuân L cùng với Y Đa W Byã rủ nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của bà Trần Thị Th1, Chu Thị L và ông Đỗ Viết D ở huyện K gây thiệt hại 114.783.000đ; thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của bà Hà Thị Đ1, Phan Thị T, Phan Thị X và ông Nông Hồng M ở huyện P gây thiệt hại 40.910.000đ; thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị K ở thị xã BH gây thiệt hại 63.600.000đ. Tổng thiệt hại về tài sản do hai bị cáo cùng gây ra là 219.290.000đ (hai trăm mười chín triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng). Ngoài ra, Nguyễn Xuân L tự mình thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Kh1 và ông Lê V ở huyện P, gây thiệt hại 32.640.000đ. Bị cáo Y Đa W tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của bà Phạm Thị Hà Kh ở huyện B gây thiệt hại 2.900.000đ. Như vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a, Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Tại điểm a, khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

3/ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”

.....”

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu của người khác, vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại không chịu lao động, nên thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 05/2021 các bị cáo đã thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản tại các huyện K, thị xã BH, huyện P với giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là **219.290.000đồng**. Ngoài ra bị cáo L còn thực hiện riêng 03 vụ trộm cắp với tài sản chiếm đoạt là 32.640.000đồng. Bị cáo Y Đa W thực hiện 01 vụ trộm với tài sản chiếm đoạt là 2.900.000đồng.

Xét thấy trong vụ án này có 02 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án là khác nhau, do đó HĐXX cần phân hóa vai trò của mỗi bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho tương xứng.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân L: Bị cáo là người trực tiếp chuẩn bị công cụ phương tiện để thực hiện việc trộm cắp tài sản, trong quá trình thực hiện bị cáo L cũng là người trực tiếp thực hiện việc lấy tài sản, bị cáo là người trực tiếp thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 251.930.000đồng; mặc dù bị cáo làm nghề thợ xây nhưng không ổn định làm theo mùa vụ, bị cáo lấy giá trị chiếm đoạt của các lần phạm tội để phục vụ cho cuộc sống của mình; bị cáo có 01 tiền án về tội “ *Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích; bên cạnh đó bị cáo có nhân thân xấu năm 2007, bị Toà án nhân dân huyện P xử phạt 03 năm tù về tội *Cướp giật tài sản*, ngày 01/9/2009 được đặc xá. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần; tái phạm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Y Đa W bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, khi bị cáo L vào nhà các bị hại lấy tài sản thì Y Đa W đứng ngoài cảnh giới và khi lấy được tài sản thì cùng với L đem đi bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo có 01 tiền án về tội “ *Trộm cắp tài sản*” nhưng chưa được xóa án tích; bị cáo thực hiện 09 lần trộm cắp tài sản với trị giá tài sản chiếm đoạt là 222.190.000đồng, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định bị cáo đều lấy các lần phạm tội để làm nguồn sống chủ yếu cho mình; bị cáo có nhân thân xấu, năm 2004 bị Toà án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 06 năm tù về tội *Cướp tài sản*, chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2008; Năm 2010, bị Toà án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, chấp hành xong hình phạt ngày 09/9/2011. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần; tái phạm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, mức hình phạt áp dụng với bị cáo Y Đa W cần nghiêm khắc để giáo dục bị cáo.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Nguyễn Xuân L sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại và đã được các bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L; sau khi bị bắt các bị cáo đã tự nguyện khai ra các vụ trộm cắp do mình thực hiện; bị cáo L có bà nội là bà Lê Thị K và bác là ông Nguyễn Đình Tr là Liệt sỹ; mẹ bị cáo L là bà Hồ Thị L là người có công cách mạng; bị cáo Y Đa W là người dân tộc thiểu số và không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo, riêng bị cáo L áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Kiểm sát viên về mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo L đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau: bà Th1 số tiền 1.000.000đồng (số tiền đã

thu giữ của bị cáo L là 53.000.000đồng để trả lại cho bà Th1); ông D số tiền 1.200.000đồng; bà X số tiền 7.200.000đồng; bà Đ1 số tiền 9.500.000đồng; bà K số tiền 31.800.000đồng; bà L số tiền 4.690.000đồng; ông Kh1 số tiền 20.000.000đồng; ông V số tiền 2.640.000đồng; bà T số tiền 2.415.000 đồng; bà H số tiền 10.000.000đồng và ông M số tiền 1.340.000đồng, các bị hại đã nhận bồi thường và không yêu cầu bị cáo L phải tiếp tục bồi thường. Xét thấy việc bồi thường là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường của bị cáo Y Đa W Byă các bị hại có yêu cầu bị cáo Y Đa W phải bồi thường số tiền cụ thể số tiền như sau: bà Trần Thị Th1 số tiền 40.835.000đ; bà Chu Thị L 4.690.000đ; ông Đỗ Viết D 1.210.000đ; bà Hà Thị Đ1 9.500.000đ; bà Phan Thị X 7.200.000đ; bà Phan Thị T 2.665.000đ; bà Nguyễn Thị K 31.800.000đ; ông Nông Hoàng M 1.340.000đ; bà Phạm Thị Hà Kh 2.900.00đ, tổng số tiền là 102.140.000đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584; 585; 586; 587 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Y Đa W Byă phải bồi thường số tiền trên cho các bị hại là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với hành vi phá hỏng kết sắt của các bị cáo qua định giá đều có trị giá dưới 2.000.000đồng nên không có căn cứ để xử lý về hành vi này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà Chu Thị L yêu cầu các bị cáo L và Y Đa W phải bồi thường 03 bao tiêu trị giá 14.070.000đồng; ông Đỗ Viết D yêu cầu bồi thường 6.000.000đồng; 01 nhẫn đeo tay bằng vàng; 01 đôi hoa tai bằng vàng; ông Hoàng Duy L yêu cầu bồi thường 01 đồng hồ đeo tay và 01 nhẫn vàng. Quá trình điều tra không chứng minh được các bị cáo đã trộm cắp các tài sản như bị hại trình bày nên không có căn cứ để buộc các bị cáo phải bồi thường.

[5] Vật chứng thu giữ: Áp dụng Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân L là 53.000.000đồng, trong đó thu giữ trên người bị cáo là 3.000.000đ và 50.000.000đồng do chị Nguyễn Thị Thu H1 là vợ bị cáo giao nộp. Tại phiên tòa xác định số tiền trên là tiền mà bị cáo L trộm được của bà Th1 và một phần là tiền bị cáo trộm cắp được nhưng không xác định được của ai. Do đó, cần trả lại cho bà Th1 số tiền 52.135.000đồng trong tổng số tiền thu giữ của bị cáo L, số tiền 865.000đồng bị cáo L xác định là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

- Đối với số tiền 12.400.000 đồng thu giữ của bị cáo Y Đa W Byă đây là số tiền bị cáo đã trộm của bà Th1 nên cần trả lại cho bà Th1.

- Đối với 01 kết sắt bị thùng, kích thước dài 47cm, rộng 60cm, cao 98cm, nhãn hiệu Spro Safe; 01 kết sắt nhãn hiệu ATUN KOREAN TECHNOLOGY hiện nay không còn giá trị sử dụng nhưng vẫn còn giá trị về tài sản nên cần tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với các tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM loại xe Dream, màu nho, biển số 47K7-9978, số khung: VHMTTCR00328047830, số máy: VUMHMCT100-000134; 01

điện thoại OPPO A5 màu đen, số Imei 1: 862208043723432; số Imei 2: 862208043723424; 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 359299/4/641334/5; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vương Văn H2; số 0138245 biển số: 47K7-9978; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 47H1 –239.40, số khung: RLCS5C6JO-EY059021, số máy: 5C6J-058996; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Y Phot R đây là các tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với tài sản là 01 dao chặt lưỡi màu trắng, kích thước 30cm x 10cm; 01 dao chặt, kích thước 40cm x 08cm; 01 dao chặt, kích thước 39cm x 07cm; 01 dao phát, kích thước 1m02 x 05cm; 01 kéo, kích thước 23cm x 10cm; 01 kìm cắt, kích thước 18cm x 05cm; 01 dao cán sắt, kích thước 44cm x 05cm đây là các tài sản mà các bị cáo lấy của nhà bà Th1 để cạy cửa, phá kết sắt và tại phiên tòa bà Th1 xin được nhận lại các tài sản trên nên cần trả lại cho bà Th1 là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 1, Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân L; Y Đa W Byă phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: điểm a, khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/6/2021.

Áp dụng: điểm a, khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y Đa W Byă 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Xuân L đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại giá trị tài sản mà bị cáo L đã chiếm đoạt cụ thể như sau: bà Th1 số tiền 1.000.000đồng; ông D số tiền 1.200.000đồng; bà X số tiền 7.200.000đồng; bà Đ1 số tiền 9.500.000đồng; bà K số tiền 31.800.000đồng; bà L số tiền 4.690.000đồng; ông Kh1 số tiền 20.000.000đồng; ông V số tiền 2.640.000đồng; bà T số tiền 2.415.000 đồng; bà H số tiền 10.000.000đồng và ông M số tiền 1.340.000đồng và các bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584; 585; 586; 587 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Y Đa W Byă phải bồi thường cho các bị hại cụ thể số tiền như sau: bà Trần Thị Th1 số tiền 40.835.000đ; bà Chu Thị L 4.690.000đ; ông Đỗ Viết D 1.210.000đ; bà Hà Thị Đ1 9.500.000đ; bà Phan Thị X 7.200.000đ; bà Phan Thị T 2.665.000đ; bà Nguyễn

Thị K 31.800.000đ; ông Nông Hoàng M 1.340.000đ; bà Phạm Thị Hà Kh 2.900.00đ, tổng số tiền là 102.140.000đồng.

Vật chứng thu giữ: Áp dụng Điều 46; Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b Khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Trả lại cho bà Trần Thị Th1 số tiền 52.135.000đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân L; số tiền 12.400.000đồng thu giữ của bị cáo Y Đa W Byă, theo giấy nộp tiền ngày 09/3/2022 tại Chi cục THA dân sự huyện K.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 865.000đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân L; 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM loại xe Dream, màu nho, biển số 47K7-9978, số khung: VHMTTCR00328047830, số máy: VUMHMCT100-000134; 01 điện thoại OPPO A5 màu đen, số Imei 1: 862208043723432; số Imei 2: 862208043723424; 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 359299/4/641334/5; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vương Văn H2; số 0138245 biển số: 47K7-9978; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 47H1 –239.40, số khung: RLCS5C6JO-EY059021, số máy: 5C6J-058996; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Y Phot R; 01 kết sắt bị thùng, kích thước dài 47cm, rộng 60cm, cao 98cm, nhãn hiệu Spro Safe; 01 kết sắt nhãn hiệu ATUN KOREAN TECHNOLOGY.

- Trả lại cho bà Trần Thị Th1 các tài sản gồm: 01 dao chặt lưỡi màu trắng, kích thước 30cm x 10cm; 01 dao chặt, kích thước 40cm x 08cm; 01 dao chặt, kích thước 39cm x 07cm; 01 dao phát, kích thước 1m02 x 05cm; 01 kéo, kích thước 23cm x 10cm; 01 kìm cắt, kích thước 18cm x 05cm; 01 dao cán sắt, kích thước 44cm x 05cm.

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Xuân L phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Y Đa W Byă phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.107.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.”

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;

(Đã ký)

- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Luyện